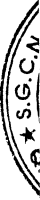




Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 1284/QĐ-BXD ngày 29 tháng 9 năm 2003

Giấy chứng nhận
Đăng ký kinh doanh số 0103003086 ngày 24 tháng 10 năm 2003

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003086 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 5 năm 2012.

Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Chủ tịch
	Ông Vũ Quý Hà	Ủy viên
	Ông Trần Đăng Lợi	Ủy viên (đến ngày 20/3/2015)
	Ông Trần Ngọc Long	Ủy viên (từ ngày 20/3/2015)
	Ông Nguyễn Khắc Hải	Ủy viên
	Ông Lò Hồng Hiệp	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Sinh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thùy Chung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Bảo Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Long	Phó Tổng Giám đốc	

Trụ sở đăng ký 52 Đường Lạc Long Quân
Quận Tây Hồ
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

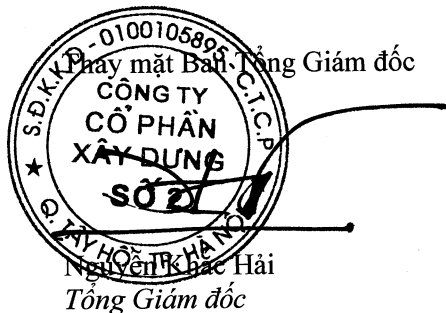
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Hà Nội, ngày 7 tháng 9 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 9 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 43. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty có nghĩa vụ kê khai điều chỉnh nộp Ngân sách Nhà nước số thuế thu nhập doanh nghiệp đã kê khai giảm 50% trong các năm tài chính 2009 và 2010 theo Công văn số 14041/BTC-TCT ngày 3 tháng 10 năm 2014 (“Công văn 14041”) về việc xử lý ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004 - 2006. Ngày 21 tháng 1 năm 2015, Công ty đã có Công văn số 10/2015/CV-TC gửi Cục thuế Thành phố Hà Nội giải trình và xác định số thuế cần phải nộp theo quy định của Công văn 14041 là 1.835 triệu VND. Theo Ban Tổng Giám đốc, Công ty đang tiếp tục làm việc với Cục thuế Thành phố Hà Nội về số thuế chính xác mà Công ty cần phải nộp bổ sung theo yêu cầu của Công văn 14041, và do vậy, đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa thực hiện hạch toán số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp này trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Theo ý kiến của chúng tôi, Công ty cần ghi nhận số thuế phải nộp trong kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có của vấn đề đã mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 kèm theo một vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến công nợ tiềm tàng của Công ty là nghĩa vụ kê khai điều chỉnh nộp Ngân sách Nhà nước số thuế thu nhập doanh nghiệp đã kê khai giảm 50% trong các năm 2009 và 2010 theo Công văn số 14041 trong báo cáo kiểm toán ngày 4 tháng 3 năm 2015. Công ty kiểm toán này cũng đã đưa ra kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 trong báo cáo soát xét ngày 11 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-196-R1



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 9 năm 2015

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.297.252.052.198	1.295.157.948.159
Tiền	110	5	8.019.708.736	57.451.214.988
Tiền	111		8.019.708.736	57.451.214.988
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	740.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	-	740.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		460.116.204.583	486.843.445.413
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	262.674.573.399	336.935.888.008
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		75.185.395.122	50.786.608.219
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		12.300.000.000	7.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	119.748.321.323	102.643.647.674
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.792.085.261)	(10.522.698.488)
Hàng tồn kho	140	10	827.275.486.616	748.606.024.339
Hàng tồn kho	141		827.275.486.616	748.606.024.339
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.840.652.263	1.517.263.419
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.840.652.263	1.517.263.419

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		211.381.859.799	286.510.854.348
Tài sản cố định	220		38.170.443.404	41.189.349.736
Tài sản cố định hữu hình	221	11	27.383.837.652	30.334.112.420
<i>Nguyên giá</i>	222		75.454.175.724	75.454.175.724
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(48.070.338.072)	(45.120.063.304)
Tài sản cố định vô hình	227	12	10.786.605.752	10.855.237.316
<i>Nguyên giá</i>	228		11.952.871.236	11.952.871.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.166.265.484)	(1.097.633.920)
Bất động sản đầu tư	230	13	33.178.688.497	43.919.010.304
<i>Nguyên giá</i>	231		39.557.191.824	50.815.011.131
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.378.503.327)	(6.896.000.827)
Tài sản dở dang dài hạn	240		81.826.100.378	65.148.843.377
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	81.826.100.378	65.148.843.377
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	54.795.078.183	132.230.386.492
Đầu tư vào công ty con	251		13.000.000.000	13.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		-	77.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		48.591.355.000	48.591.355.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.796.276.817)	(6.860.968.508)
Tài sản dài hạn khác	260		3.411.549.337	4.023.264.439
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.411.549.337	4.023.264.439
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.508.633.911.997	1.581.668.802.507

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.252.256.072.334	1.309.563.483.065
Nợ ngắn hạn	310		1.185.738.176.312	1.267.243.358.199
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	68.219.629.649	93.615.626.049
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	490.616.991.174	413.686.422.616
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	53.278.195.950	55.983.437.136
Phải trả người lao động	314		2.320.167.173	5.607.385.456
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	115.816.692.067	103.974.481.058
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	475.983.228	475.983.228
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	209.955.322.883	266.267.172.155
Vay ngắn hạn	320	21(a)	244.486.645.574	327.581.107.639
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		568.548.614	51.742.862
Nợ dài hạn	330		66.517.896.022	42.320.124.866
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	16	47.103.443.956	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	13.974.691.403	14.212.683.017
Vay dài hạn	338	21(b)	520.000.000	23.163.858.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		141.717.943	157.100.329
Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.778.042.720	4.786.482.720

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		256.377.839.663	272.105.319.442
Vốn chủ sở hữu	410	22	256.377.839.663	272.105.319.442
Vốn cổ phần	411	23	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		55.632.788.300	55.632.788.300
Cổ phiếu quỹ	415	23	(4.413.716.756)	(4.413.389.754)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	25	81.921.482.817	81.156.538.255
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.667.255.027	1.667.255.027
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.570.030.275	18.062.127.614
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.500.000.000	1.500.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.030.275	16.562.127.614
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.508.633.911.997	1.581.668.802.507

Ngày 7 tháng 9 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Thị Hưng Hoa
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Quang Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015****Mẫu B 02a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	102.195.221.212	220.729.926.147
Giá vốn hàng bán	11	27	82.014.179.115	176.174.629.430
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		20.181.042.097	44.555.296.717
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.323.574.492	170.970.792
Chi phí tài chính	22	28	8.489.586.557	3.373.316.740
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.554.278.248	4.001.549.424
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.832.200.245	21.333.929.514
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		182.829.787	20.019.021.255
Thu nhập khác	31		119.600.000	1.630.482.805
Chi phí khác	32		100.000.000	192.463.430
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		19.600.000	1.438.019.375
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		202.429.787	21.457.040.630
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	147.781.898	5.220.739.935
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(15.382.386)	(53.426.349)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		70.030.275	16.289.727.044

Ngày 7 tháng 9 năm 2015

Người lập:


Nguyễn Thị Hưng Hoa
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Đỗ Quang Việt
Kế toán trưởngNguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		202.429.787	21.457.040.630
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.473.823.928	4.375.602.589
Các khoản dự phòng	03		(795.304.918)	4.242.842.236
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.423.574.492)	677.411.941
Chi phí lãi vay	06		8.554.278.248	4.001.549.424
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.011.652.553	34.754.446.820
Biến động các khoản phải thu	09		27.530.502.713	46.331.325.668
Biến động hàng tồn kho	10		(81.639.953.902)	4.960.149.808
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		34.664.812.281	(4.228.907.947)
Biến động chi phí trả trước	12		611.715.102	(1.631.561.145)
			(9.821.271.253)	80.185.453.204
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.529.101.764)	(4.865.727.601)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.286.218.506)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.064.299.502)	(780.329.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(18.393.672.519)	72.253.177.768
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		-	(312.090.909)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		100.000.000	9.994.050.000
Tiền thu hồi cho vay	24		740.000.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		77.500.000.000	1.494.600
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		2.323.574.492	170.324.205
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		80.663.574.492	9.853.777.896

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		148.721.589.205	77.555.136.864
Tiền trả nợ gốc vay	34		(254.459.910.070)	(156.822.950.530)
Tiền trả cổ tức	36		(5.963.087.360)	(11.864.504.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(111.701.408.225)	(91.132.317.666)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(49.431.506.252)	(9.025.362.002)
Tiền đầu kỳ	60		57.451.214.988	28.089.157.544
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	8.019.708.736	19.063.795.542

Ngày 7 tháng 9 năm 2015

Người lập:

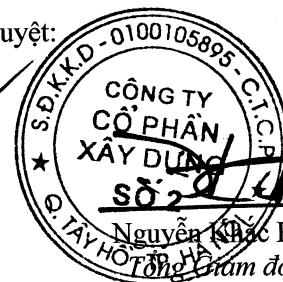


Nguyễn Thị Hưng Hoa
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Quang Việt
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ các cấp, cầu cống, thủy lợi, buro điện, nền móng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện đến 110 KV; thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước; lắp đặt ống công nghệ và áp lực, điện lạnh;
- Xây dựng phát triển nhà, kinh doanh bất động sản;
- Sửa chữa, thay thế, lắp đặt máy móc, thiết bị, các loại kết cấu bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình (thang máy, điều hòa, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước);
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi, gạch, ngói, xi măng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm và các vật liệu xây dựng khác dùng trong xây dựng, trang trí nội thất) (chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, lập dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, quản lý dự án;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên liệu sản xuất, dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị tự động hóa, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải;
- Đại lý cho các hãng trong và ngoài nước kinh doanh các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng; và
- Dịch vụ quản lý bất động sản, tư vấn bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1 công ty con (1/1/2015: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh số 6(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1.546 nhân viên (1/1/2015: 1.878 nhân viên).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(a)).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của dự án bất động sản được tính theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dự án bất động sản, giá gốc bao gồm quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng. Giá gốc của các nhóm hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 - 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn của lô đất 795,50 m² tại số 52 Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Hà Nội được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất là 50 năm. Quyền sử dụng đất không thời hạn của lô đất 146,23 m² tại số 52 Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Hà Nội không trích khấu hao.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(I) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Ngày 14 tháng 8 năm 2003, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2003/TT-BTC (“Thông tư 82”) hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp. Theo đó, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm dùng để chi trợ cấp thôi việc và được trích lập ở mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Thông tư 82.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trả dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Công ty đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ/năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam), công ty con và công ty liên kết của Công ty và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

5. Tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	414.919.866	386.954.782
Tiền gửi ngân hàng	7.604.788.870	57.064.260.206
	8.019.708.736	57.451.214.988

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Giá trị	Giá gốc	Giá trị
	VND	hợp lý	VND	hợp lý
	VND			
	Đã phân loại lại			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	740.000.000	740.000.000

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	1/1/2015	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty con								
• Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2	Hà Nội		68,2%	68,2%	13.000.000.000	(2.561.916.512)	(*)	
▪ Công ty liên kết								
• Công ty Cổ phần BOT 38 (**)	Hà Nội		31%	31%	77.500.000.000	-	(*)	
▪ Đơn vị khác								
• Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	Hà Nội	2.000.000	2,00%	2,00%	20.000.000.000	-	(*)	
• Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội	Hà Nội	1.750.000	5,53%	5,53%	17.663.275.000	-	(*)	
• Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Hà Nội	580.000	2,19%	2,19%	5.800.000.000	(4.299.051.996)	(*)	
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	Hà Nội	480.000	15,56%	15,56%	4.978.080.000	-	(*)	
• Đầu tư vào công trình chợ Thành Công	Hà Nội				150.000.000	-	(*)	
					48.591.355.000	(4.299.051.996)	(*)	
					139.091.355.000	(6.860.968.508)	(*)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(**) Tại ngày 9 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thanh lý toàn bộ phần vốn cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần BOT 38. Giao dịch thanh lý này chi tiết như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm bán VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết tại ngày thanh lý	77.500.000.000
Tiền thu được từ việc thanh lý	77.500.000.000
	<hr/>
	-
	<hr/>

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty mẹ		
và các Ban quản lý Dự án trực thuộc Công ty mẹ		
Dự án An Khánh Splendora Zone 8	52.333.538.686	57.283.315.331
Trụ sở Tổng cục Hải quan	15.024.540.733	21.998.659.853
Trụ sở Bộ Công An	11.879.544.034	11.904.644.924
Các dự án khác	36.196.321.842	14.607.523.752
	<hr/>	<hr/>
	115.433.945.295	105.794.143.860
Ban quản lý Dự án Mỹ Đình	23.667.232.000	36.692.232.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường	13.878.581.212	21.074.219.210
Viễn thông Quảng Ninh	13.191.461.018	8.613.683.421
Các khách hàng khác	96.503.353.874	164.761.609.517
	<hr/>	<hr/>
	262.674.573.399	336.935.888.008

(b) Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty mẹ		
và các Ban quản lý Dự án trực thuộc Công ty mẹ		
Công ty con	115.433.945.295	105.794.143.860
	1.974.368.000	1.709.202.841
	<hr/>	<hr/>
	117.408.313.295	107.503.346.701

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể yêu cầu thanh toán khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải thu các đội xây dựng (*)	101.351.603.376	89.438.540.263
Công ty liên quan - Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2	5.528.628.535	5.528.628.535
Phải thu khác	12.868.089.412	7.676.478.876
	<hr/>	<hr/>
	119.748.321.323	102.643.647.674

- (*) Phải thu các đội xây dựng là các khoản ứng trước cho các Chủ nhiệm công trình của Công ty dựa trên hợp đồng giao khoán ký giữa Chủ nhiệm và Công ty, liên quan đến các công trình xây dựng do Công ty là nhà thầu thực hiện. Các khoản phải thu này sẽ được chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khi các chi phí phát sinh có đủ chứng từ hợp lệ và được Công ty phê duyệt.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

		30/6/2015		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công ty mẹ				
(dự án đường Láng - Hòa Lạc)	Trên 3 năm	2.770.085.261	2.770.085.261	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 34	Trên 3 năm	7.000.000.000	7.000.000.000	-
Khác	Trên 3 năm	22.000.000	22.000.000	-
		9.792.085.261	9.792.085.261	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn 9.792.085.261

		1/1/2015		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công ty mẹ				
(dự án đường Láng - Hòa Lạc)	Trên 3 năm	2.770.085.261	2.770.085.261	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 34	Trên 3 năm	7.000.000.000	7.000.000.000	-
Khác	Trên 3 năm	752.613.227	752.613.227	-
		10.522.698.488	10.522.698.488	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn 10.522.698.488

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công cụ và dụng cụ	254.042.910	149.197.455
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	827.021.443.706	748.456.826.884
	<hr/>	<hr/>
	827.275.486.616	748.606.024.339

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, hàng tồn kho bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay cho Dự án Kim Văn - Kim Lũ có giá trị ghi sổ là 319.431 triệu VND (1/1/2015: 312.891 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21(b)).

(*) Chi tiết các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản và xây dựng dở dang như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án Kim Văn - Kim Lũ	319.431.100.646	312.891.366.840
Công trình tòa nhà D36 Kim Văn - Kim Lũ	137.694.600.123	123.740.911.321
Công trình tòa nhà C36 Kim Văn - Kim Lũ	122.360.245.516	69.288.676.872
Dự án Quang Minh	44.589.156.127	39.438.870.763
Dự án mỏ đá Xuân Hòa	38.523.274.099	38.107.676.271
Dự án đường sắt đô thị Hà Nội	33.747.664.436	33.111.788.623
Toà nhà hỗn hợp MD Complex Tower	23.350.625.684	22.325.512.211
Công trình Đường Láng Hoà Lạc	11.900.074.188	11.900.074.188
Công trình ký túc xá Đại học Quốc gia		
Thành phố Hồ Chí Minh	12.126.459.210	11.559.885.474
Công trình tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh	10.903.966.800	10.959.014.997
Công trình thủy điện Ngòi Hút	5.350.039.435	5.350.039.435
Công trình Hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long II	3.640.372.674	3.831.483.292
Các công trình khác	63.403.864.768	65.951.526.597
	<hr/>	<hr/>
	827.021.443.706	748.456.826.884

Trong kỳ, chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 3.421 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 11.760 triệu VND). Trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 95.542 triệu VND (1/1/2015: 92.121 triệu VND) chi phí lãi vay lũy kế vốn hóa cho dự án Kim Văn - Kim Lũ.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	22.227.910.445	43.831.557.135	1.078.941.770	8.315.766.374	75.454.175.724
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	6.518.801.633	30.761.042.434	931.940.338	6.908.278.899	45.120.063.304
Khấu hao trong kỳ	514.799.689	1.900.436.807	43.248.784	491.789.488	2.950.274.768
Phân loại lại	56.538.644	(56.538.644)	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.090.139.966	32.604.940.597	975.189.122	7.400.068.387	48.070.338.072
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	15.709.108.812	13.070.514.701	147.001.432	1.407.487.475	30.334.112.420
Số dư cuối kỳ	15.137.770.479	11.226.616.538	103.752.648	915.697.987	27.383.837.652

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 20.789 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 19.326 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.371 triệu VND (1/1/2015: 21.491 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21(b)).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	11.898.283.636	54.587.600	11.952.871.236
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.043.046.320	54.587.600	1.097.633.920
Khấu hao trong kỳ	68.631.564	-	68.631.564
Số dư cuối kỳ	1.111.677.884	54.587.600	1.166.265.484
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	10.855.237.316	-	10.855.237.316
Số dư cuối kỳ	10.786.605.752	-	10.786.605.752

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 55 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 55 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

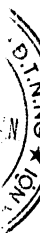
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 10.787 triệu VND (1/1/2015: 10.855 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21(a)).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	50.815.011.131
Thanh lý	(11.257.819.307)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	39.557.191.824
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.896.000.827
Khấu hao trong kỳ	454.917.596
Thanh lý	(972.415.096)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.378.503.327
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	43.919.010.304
Số dư cuối kỳ	33.178.688.497
	<hr/> <hr/>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là Tòa nhà tại 52 Lạc Long Quân, Hà Nội. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị ghi sổ là 28.253 triệu VND (1/1/2015: 28.650 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21(a)).



Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	65.148.843.377	-
Phân loại lại từ hàng tồn kho	16.677.257.001	65.148.843.377
Số dư cuối kỳ/năm	81.826.100.378	65.148.843.377

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn là phần diện tích dùng cho mục đích quản lý và cho thuê trong tương lai tại Tòa nhà C và Tòa nhà D thuộc Dự án Kim Văn - Kim Lũ do Công ty làm chủ đầu tư.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Việt Đức	9.708.327.499	9.708.327.499	7.228.538.499	7.228.538.499
Công ty Cổ phần Nền móng và Xây dựng	5.373.789.366	5.373.789.366	5.373.789.366	5.373.789.366
Công ty Cổ phần thép và Thương mại Hà Nội	3.697.593.427	3.697.593.427	4.345.888.387	4.345.888.387
Công ty TNHH Thương mai và Xây dựng Thu Ngân	3.150.532.600	3.150.532.600	2.225.000.000	2.225.000.000
Các nhà cung cấp khác	46.289.386.757	46.289.386.757	74.442.409.797	74.442.409.797
	68.219.629.649	68.219.629.649	93.615.626.049	93.615.626.049

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các công ty liên quan

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các công ty liên quan	459.858.750	459.858.750	459.858.750	459.858.750

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

16. Người mua trả tiền trước

(a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo các dự án lớn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công trình tòa nhà D36 Kim Văn - Kim Lũ	277.789.094.919	262.774.711.646
Công trình tòa nhà C36 Kim Văn - Kim Lũ	47.103.443.956	-
Dự án Kim Văn – Biệt thự TT2	162.146.601.019	110.055.944.230
Dự án Quang Minh	30.961.008.772	32.073.269.587
Các dự án khác	19.720.286.464	8.782.497.153
	537.720.435.130	413.686.422.616

(b) Người mua trả tiền trước chi tiết theo kỳ hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngắn hạn	490.616.991.174	413.686.422.616
Dài hạn	47.103.443.956	-
	537.720.435.130	413.686.422.616

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	34.174.731.477	4.564.885.315	(8.204.700.319)	30.534.916.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	16.995.909.724	147.781.898	-	17.143.691.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp ấn định từ các khoản khách hàng ứng trước	3.023.017.203	889.706.421	-	3.912.723.624
Thuế thu nhập cá nhân	1.789.778.732	-	(102.914.501)	1.686.864.231
	55.983.437.136	5.602.373.634	(8.307.614.820)	53.278.195.950

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản nợ thuế thu nhập doanh nghiệp chưa nộp Ngân sách Nhà nước tồn đọng từ các năm 2012 và 2013. Ngày 10 tháng 8 năm 2015, Công ty đã có Công văn số 101/2015/CV-TC (“Công văn 101”) gửi Cục Thuế Thành phố Hà Nội giải trình các nguyên nhân dẫn đến việc chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước là do các khoản phải thu khách hàng chưa được thanh toán liên quan đến các công trình có nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và các nhà đầu tư thứ phát, đồng thời Công ty cam kết sẽ nộp dần tiền nợ thuế vào Ngân sách Nhà nước hàng tháng kể từ tháng 8 năm 2015. Ngày 18 tháng 8 năm 2015, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã trả lời Công văn 101 của Công ty bằng Công văn số 54245/CT-QLN (“Công văn 54245”), trong đó hướng dẫn Công ty đối chiếu với các quy định hiện hành để xác định xem liệu Công ty có thuộc trường hợp đủ điều kiện được nộp dần tiền nợ thuế và không tính tiền chậm nộp tiền nợ thuế hay không, từ đó lập đầy đủ các hồ sơ thủ tục theo các quy định hiện hành và gửi về Cục thuế Thành phố Hà Nội để được xem xét, giải quyết. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang tiến hành lập hồ sơ theo hướng dẫn của Công văn 54245 nêu trên. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, việc xác định Công ty có thuộc trường hợp không tính tiền chậm nộp tiền nợ thuế hay không và số tiền phạt chậm nộp tiền nợ thuế của Công ty, nếu có, phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Do đó, Công ty chưa xác định được chính xác số tiền chậm nộp tiền nợ thuế phải trả, nếu có, để phản ánh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Trích trước giá vốn cho bất động sản	64.387.944.425	55.726.121.807
Lãi vay ngân hàng	51.428.747.642	46.982.209.993
Các khoản trích trước khác	-	1.266.149.258
	115.816.692.067	103.974.481.058

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Doanh thu nhận trước từ cho thuê căn hộ, văn phòng Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	14.450.674.631 (475.983.228)	14.688.666.245 (475.983.228)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	13.974.691.403	14.212.683.017

20. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	119.134.855	3.812.977
Bảo hiểm xã hội	1.455.579.383	83.116.657
Phải trả các đội xây dựng	154.804.629.966	223.139.577.549
Xí nghiệp Xây dựng tư nhân số 1	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	8.274.317.440	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.301.661.239	3.040.664.972
	209.955.322.883	266.267.172.155

(b) Phải trả khác cho các công ty liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải trả cho công ty mẹ	7.377.736.800	-

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản vay	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	238.775.272.233	238.775.272.233	129.149.577.609	(210.195.375.246)	157.729.474.596	157.729.474.596
Vay dài hạn đến hạn trả	88.805.835.406	88.805.835.406	-	(2.048.664.428)	86.757.170.978	86.757.170.978
	327.581.107.639	327.581.107.639	129.149.577.609	(212.244.039.674)	244.486.645.574	244.486.645.574

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	VND	7,3% - 10%	146.219.314.721	160.265.336.695
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	7,1% - 7,8%	10.140.159.875	4.685.455.538
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bắc Ninh	VND	8,1%	-	73.500.000.000
Khoản vay từ các cá nhân	VND	4,5% - 8%	1.370.000.000	324.480.000
			157.729.474.596	238.775.272.233

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản và quyền đòi nợ từ các công trình do các ngân hàng tham gia tài trợ và quyền sử dụng đất và tòa nhà tại số 52 Lạc Long Quân có giá trị còn lại lần lượt là 10.787 triệu VND và 28.253 triệu VND (1/1/2015: 10.855 triệu VND và 28.650 triệu VND) (Thuyết minh 12 và Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (i)	VND	Thả nổi	2016	856.000.000	5.548.523.228
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (ii)	VND	Thả nổi	2016	81.923.858.800	101.923.858.800
Khoản vay cá nhân (iii)	VND	4% - 13%		4.497.312.178	4.497.312.178
				87.277.170.978	111.969.694.206
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(86.757.170.978)	(88.805.835.406)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				520.000.000	23.163.858.800

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay có giá trị ghi sổ là 4.371 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 21.491 triệu VND) (Thuyết minh 11).

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (“SHB”) và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel, trong đó SHB là ngân hàng đầu mối, tỷ lệ cam kết cấp khoản vay từ SHB và Vinaconex - Viettel lần lượt là 87,5% và 12,5%. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay cho dự án Kim Văn - Kim Lũ có giá trị ghi sổ là 319.431 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 312.891 triệu VND) (Thuyết minh 10). Theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHD-TDH/SHB.BĐ ký giữa Công ty và SHB, khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 23 tháng 3 năm 2012 đến ngày 23 tháng 3 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3%/năm, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi vay thanh toán vào ngày tất toán khoản vay (ngày trả nợ cuối cùng).

(iii) Các khoản vay từ các cá nhân bao gồm:

- Các khoản vay từ các cá nhân được Công ty tạo điều kiện đi lao động nước ngoài với lãi suất 4%/năm. Các khoản vay này sẽ được hoàn trả khi cá nhân về nước; và
- Các khoản vay từ các hợp đồng vay cá nhân để đảm bảo quyền mua căn hộ tòa nhà D36, thuộc Dự án Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ với lãi suất 13%/năm. Khoản vay này được khấu trừ từng lần tương ứng với từng đợt thanh toán của hợp đồng mua căn hộ. Thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng vay đến khi Dự án hoàn thành xong phần xây thô.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	120.000.000.000	55.632.788.300	(4.412.728.003)	69.964.714.153	9.962.655.657	1.711.255.027	15.763.316.064	268.622.001.198
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	16.289.727.044	16.289.727.044
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	644.346.635	584.821.810	-	(2.398.812.064)	(1.169.643.619)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	(11.864.504.000)	(11.864.504.000)
Giảm khác	-	-	(329.329)	-	-	-	-	(329.329)
Số dư tại ngày 30/6/2014	120.000.000.000	55.632.788.300	(4.413.057.332)	70.609.060.788	10.547.477.467	1.711.255.027	17.789.727.044	271.877.251.294
Số dư tại ngày 1/1/2015	120.000.000.000	55.632.788.300	(4.413.389.754)	70.609.060.788	10.547.477.467	1.667.255.027	18.062.127.614	272.105.319.442
- đã báo cáo trước đây	-	-	-	10.547.477.467	(10.547.477.467)	-	-	-
<i>Phân loại lại</i> <i>(Thuyết minh 33)</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015	120.000.000.000	55.632.788.300	(4.413.389.754)	81.156.538.255	-	1.667.255.027	18.062.127.614	272.105.319.442
- đã phân loại lại	-	-	-	-	-	-	70.030.275	70.030.275
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	764.944.562	-	-	(2.324.722.814)	(1.559.778.252)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	(14.237.404.800)	(14.237.404.800)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(327.002)	-	-	-	-	(327.002)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2015	120.000.000.000	55.632.788.300	(4.413.716.756)	81.921.482.817	-	1.667.255.027	1.570.030.275	256.377.839.663



Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.000.000	120.000.000.000	12.000.000	120.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	120.000.000.000	12.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	135.496	4.413.716.756	135.496	4.413.389.754
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	11.864.504	115.586.283.244	11.864.504	115.586.610.246

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 14.237 triệu VND (giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 11.865 triệu VND).

25. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu hoạt động xây lắp	90.148.921.614	104.771.477.207
▪ Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	9.504.624.064	115.296.093.953
▪ Khác	2.541.675.534	662.354.987
	102.195.221.212	220.729.926.147

27. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
▪ Hoạt động xây lắp	69.647.262.736	92.817.494.897
▪ Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.285.404.211	82.966.462.189
▪ Khác	2.081.512.168	390.672.344
	82.014.179.115	176.174.629.430

28. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.554.278.248	4.001.549.424
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(64.691.691)	(628.232.684)
	8.489.586.557	3.373.316.740

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	8.614.079.738	9.441.853.591
Chi phí khấu hao	2.151.061.604	2.872.939.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	657.709.024	136.695.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.139.963.106	4.011.366.270
Dự phòng phải thu khó đòi	-	4.871.074.920
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(730.613.227)	-
	13.832.200.245	21.333.929.514

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	13.442.638.921	77.293.332.676
Chi phí nhân công	53.540.547.767	84.575.977.364
Chi phí khấu hao	3.473.823.928	4.375.602.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.458.922.173	15.996.831.969
Chi phí khác	14.737.704.202	10.306.664.538

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	147.781.898	5.220.739.935
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(15.382.386)	(53.426.349)
	132.399.512	5.167.313.586

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015

	Hoạt động xây lắp và hoạt động khác VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	2.305.994.620	(2.103.564.833)	202.429.787
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	507.318.816	(462.784.263)	44.534.553
Chi phí không được khấu trừ thuế	120.617.374	-	120.617.374
Lỗ tính thuế được sử dụng	(17.370.029)	-	(17.370.029)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(15.382.386)	-	(15.382.386)
	595.183.775	(462.784.263)	132.399.512

Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014

	Hoạt động xây lắp và hoạt động khác VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản VND	Tổng cộng VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.196.556.867)	23.653.597.497	21.457.040.630
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(483.242.511)	5.203.791.449	4.720.548.938
Chi phí không được khấu trừ thuế	166.509.969	16.948.486	183.458.455
Lỗ tính thuế không được ghi nhận	316.732.542	-	316.732.542
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(53.426.349)	-	(53.426.349)
	(53.426.349)	5.220.739.935	5.167.313.586

(c) Thuế suất áp dụng

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 22%). Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp là 22% cho năm 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.247.162.231	35.663.098.638
Trả cổ tức	-	6.148.114.000
Mua tài sản, nguyên vật liệu và chi phí khác	-	452.845.987
Cổ tức phải trả	7.377.736.800	-
Công ty con - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.680.000	172.121.574
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.405.078.936	1.595.017.185

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	740.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	740.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	102.643.647.674	107.588.918.108
Tài sản ngắn hạn khác	-	2.054.729.566
Hàng tồn kho	748.606.024.339	813.754.867.716
Xây dựng cơ bản dở dang	65.148.843.377	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	475.983.228	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	14.212.683.017	14.688.666.245
Quỹ dự phòng tài chính	-	10.547.477.467
Quỹ đầu tư và phát triển	81.156.538.255	70.609.060.788

Ngày 7 tháng 9 năm 2015

Người lập:

Nguyễn Thị Hưng Hoa
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Quang Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc